

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/2020/CB-STHN

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG THẦN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 26/26 Vương Thừa Vũ, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: 02435683810 Fax:

E-mail: lienanth@magicwave.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0106573709

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi: Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

2. Thành phần: Lactose, Bột sữa tách kem, Bột buttermilk, Dầu thực vật tinh luyện (dầu hướng dương giàu oleic, dầu hạt cải, dầu đậu nành, dầu cọ, dầu cọ olein hóa), Đạm whey khử muối, Fructooligosaccharides, Đạm whey cô đặc, Đạm whey thủy phân cô đặc, Dextrin, Dầu cá tinh luyện (có chứa DHA), Taurine, Nucleotides (Disodium 5' -cytidylate, Disodium 5' -uridylate, Disodium 5' -inosinate, Disodium 5'-guanylate, 5'- Adenylic acid), Men, Chất khoáng (Canxi cacbonat, Canxi phosphat, Kali cacbonat, Magie clorua, Ferric pyrophosphat, Natri phosphat, Kẽm sunfat, Kali phosphat, Đồng sunfat, Kali iotua), Vitamin (Vitamin C, Nicotinamid, Vitamin E, Canxi pantothenat, Vitamin B6, Vitamin B1, Vitamin A, Acid Folic, β -Caroten, Vitamin K1, Vitamin B2, Vitamin D3, Biotin, Vitamin B12).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất; Ngày sản xuất và ngày hết hạn được ghi dưới đáy hộp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

800 g/hộp, đóng trong hộp thiếc chuyên dùng, đảm bảo yêu cầu vệ sinh theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Nhà sản xuất: Meiji Co., Ltd.

Địa chỉ: 2-2-1, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản.

Cơ sở sản xuất: MEIJI CO., LTD. SAITAMA PLANT

Địa chỉ: 1-5, Minamisakae, Kasukabe city, Saitama, Nhật Bản.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (*đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hà Nội, ngày 20..
ĐẠI DIỆN  20..
LÂN
GIÁM ĐỐC
Đỗ Công Luận

Đỗ Công Luận



meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Since Meiji began formula production in Japan in 1923, Meiji has continued to make advances in the field of infant nutrition research and manufacturing technology development and has supplied formula designed for infants and children at each stage of growth.

Since 1972, we have researched the growth and nutritional intake of more than 200,000 infants to confirm appropriate nutritional design, and we have published 14 papers, including in international journals. This product is a growing up formula designed to provide the nutritional support required for the growth of children aged between 1-3 years. Use in combination with baby food and other solid foods.

Nutritional Support



*Percent Recommended Nutrient Intakes (for 1-3 yrs), Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (WHO, 2004)

Feeding guide

Age	Quantity per feeding (1 feeding)	Recommended feedings per day
1-3 yrs	5 Number of level spoons Total amount of formula	2-3

Use the enclosed spoon in the tin to measure the correct amount of formula powder. One level spoon of powder (approximately 5.6 g) makes 40 ml of formula. Please refer to the table and adjust the amount and frequency of feeding as required.

Precautions

Make only the necessary amount of formula for a single feeding. Dispose of all leftover formula after feeding. Never use a microwave oven to prepare or warm formula.

Manufacturing date (MFG) and expiry date (EXP) are indicated on the bottom of the tin. Manufacturer: Meiji Co., Ltd. Address: 2-2-1, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Japan. Factory: Meiji Co., Ltd. Saitama plant. Address: 1-5, Minamiosaka, Kasutake city, Saitama, Japan.

How to use the easy cap

1. Pull the tab and peel to remove.
2. Remove the entire lid and all of the foil seal and remove the spoon from the tin.
3. Replace the lid, and press down on the three points marked with "1" in the diagram.
4. When measuring the formula, turn up the lid and level the spoon with the leveling bar as shown in the diagram.

Storage instructions

To maintain sanitation and freshness, please keep the lid tightly closed and store the tin in a clean, dry and cool place before and after opening. Do not refrigerate. After opening the tin, use the contents as soon as possible (within one month). After using the spoon, please keep it in a sanitary condition. Do not put it back into the tin.



3203

Net 800 g

meiji GROWING UP FORMULA

1~3 years old

Iron, Calcium 100% Support (in 400 ml)

MADE IN JAPAN

DHA Vitamin Mineral

Easy Measuring Quick Dissolving

FOS, Lactadherin 5 Nucleotides

*Percent Recommended Nutrient Intakes (for 1-3 yrs), Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (WHO, 2004)

Meiji Co., Ltd.

Preparation

1. Accurately measure the required amount of the formula powder using the enclosed spoon and pour the powder into a clean container (bottle or cup).
2. Pour boiled water cooled to approximately 50°C into the container up to approximately 2/3 of the indicated total amount of formula taking care not to scald yourself and mix well until the powder is completely dissolved.
3. Add boiled water to the indicated total amount of formula and mix well. Before feeding, make sure that the prepared formula is at approximately body temperature.

Nutritional Information

	Per 100 g powder	Per 100 ml	Per 100 g powder	Per 100 ml
Energy	kcal 459	64		
	kJ 1927	270		
Protein	g 13.9	1.9		
Lactadherin	mg 10	1.4		
Fat	g 18.0	2.5		
Saturated fatty acid	g 3.9	0.55		
Trans fatty acid	g 0	0		
Linoleic acid	g 2.6	0.36		
α -Linolenic acid	mg 410	57		
Docosahexaenoic acid (DHA)	mg 70	9.8		
Carbohydrate	g 61.2	8.6		
Fructooligosaccharides (FOS)	g 1.9	0.27		
Pantothenic acid	µg 4400	616		
Folic acid	µg 210	29		
Vitamin C	mg 63	8.8		
Biotin	µg 12	1.7		
Minerals				
Iron	mg 8.6	1.2		
Calcium	mg 900	126		
Phosphorus	mg 450	63		
Magnesium	mg 60	8.4		
Sodium	mg 200	28		
Chloride	mg 450	63		
Potassium	mg 790	111		
Iodine	µg 115	16		
Selenium	µg 10	1.4		
Copper	µg 320	45		
Zinc	mg 4.0	0.56		
Others				
Milk phospholipids	mg 340	48		
β -Carotene	µg 100	14		
Taurine	mg 33	4.6		
Nucleotides	mg 14	2.0		

Ingredients: Lactose, Skim milk powder, Butter milk powder, Refined vegetable oils (High oleic sunflower oil, Canola oil, Soybean oil, Palm kernel oil, Palm olein oil), Demineralized whey powder, Fructooligosaccharides, Whey protein concentrate, Hydrolyzed whey protein concentrate, Dextrin, Refined fish oil (including DHA), Taurine, Nucleotides (Disodium 5'-cytidylate, Disodium 5'-uridylylate, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, 5'-Adenylic acid), Yeast, Minerals (Calcium carbonate, Calcium phosphate, Potassium carbonate, Magnesium chloride, Ferric pyrophosphate, Sodium phosphate, Zinc sulfate, Potassium phosphate, Copper sulfate, Potassium iodide), Vitamins (Vitamin C, Nicotinamide, Vitamin E, Calcium pantothenate, Vitamin B₆, Vitamin B₁, Vitamin A, Folic acid, β -Carotene, Vitamin K₁, Vitamin B₁₂, Vitamin D₃, Biotin, Vitamin B₉)

2020.09.15



DƯ THẢO NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi: Meiji
1-3 years-old GROWING UP FORMULA

1. Thành phần: Lactose, Bột sữa tách kem, Bột buttermilk, Dầu thực vật tinh luyện (dầu hướng dương giàu oleic, dầu hạt cải, dầu đậu nành, dầu cò, dầu cọ olein hóa), Đạm whey khử muối, Fructooligosaccharides, Đạm whey cô đặc, Đạm whey thủy phân cô đặc, Dextrin, Dầu cá tinh luyện (có chứa DHA), Taurine, Nucleotides (Disodium 5' - cytidylate, Disodium 5' - uridylate, Disodium 5' - inosinate, Disodium 5' - guanylate, 5' - Adenylic acid), Men, Chất khoáng (Canxi cacbonat, Canxi phosphat, Kali cacbonat, Magie clorua, Ferric pyrophosphat, Natri phosphat, Kẽm sunfat, Kali phosphat, Đồng sunfat, Kali iotua), Vitamin (Vitamin C, Nicotinamid, Vitamin E, Canxi pantothenat, Vitamin B6, Vitamin B1, Vitamin A, Acid Folic, β -Caroten, Vitamin K1, Vitamin B2, Vitamin D3, Biotin, Vitamin B12).

2. Khối lượng tịnh: 800 g

3. Hướng dẫn sử dụng:

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác.

Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn.

Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

Những điểm cần chú ý: Phải làm theo hướng dẫn pha một cách cẩn thận và chính xác. Pha không đúng có thể gây hại cho sức khỏe của trẻ. Chỉ pha một lượng vừa đủ cho một lần dùng. Lượng còn dư phải đổ bỏ, không dùng lại. Không được dùng lò vi ba để pha hoặc hâm lại.

Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng và vi chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của trẻ.

Bảng hướng dẫn cách pha:

Bảng gợi ý lượng chuẩn:



Định lượng sử dụng			
Lượng pha (trong 1 bình)		Lượng khuyến khích dùng trong 1 ngày	
Số muỗng gạt	Lượng pha		
1-3 tuổi	5	200ml	2-3

Định lượng sử dụng: Sử dụng muỗng chuyên dụng có trong hộp để đong chính xác lượng cần thiết. 1 muỗng chuyên dụng gạt ngang (khoảng 5,6g) pha được 40ml. Tham khảo Bảng để điều chỉnh số lần và lượng cho trẻ bú khi cần thiết.

Hướng dẫn pha:

- Dùng muỗng đã cung cấp để đong chính xác lượng cần thiết, sau đó cho vào đồ đựng sạch sẽ (như bình hoặc cốc).

- Rót nước sôi đã để nguội (khoảng 50°C) vào bình khoảng 2/3 lượng pha đã hướng dẫn trên nhãn, chú ý cần thận để tránh bị bỏng, sau đó khuấy kỹ để tan hoàn toàn.

- Thêm nước nóng vừa đủ lượng nước chỉ định và khuấy kỹ. Khi cho trẻ bú, hãy đảm bảo là nhiệt độ gần bằng nhiệt độ cơ thể (37°C).

4. Hướng dẫn Bảo quản: Để giữ sản phẩm luôn sạch và tươi, hãy đậy nắp thật chặt và bảo quản ở nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát ngay cả trước và sau khi mở hộp. Không được bỏ vào tủ lạnh. Sau khi mở hộp, cố gắng sử dụng hết càng sớm càng tốt (trong vòng 1 tháng). Muỗng đong sau khi sử dụng hãy bảo quản thật vệ sinh. Vui lòng không bỏ vào trong hộp.

5. Bảng thành phần dinh dưỡng: Ghi trên nhãn chính sản phẩm

6. Ngày sản xuất (MFG) và Ngày hết hạn (EXP): được ghi dưới đáy hộp.

7. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm

Sản xuất tại Nhật Bản

Nhà sản xuất: Meiji Co., Ltd.

Địa chỉ: 2-2-1, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản.

Nhà nhập khẩu và phân phối chính thức: CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG THẦN

HÀ NỘI

Địa chỉ: số 26/26 Vương Thừa Vũ, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt

Nam

Điện thoại: 024 35683810 Hotline: 18006026

8. Số ĐKSP:

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
CHI CỤC ATVSTP THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2020

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 6841/2020/ĐKSP

Chi cục ATVSTP Hà Nội xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG THẦN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 26/26 Vương Thừa Vũ, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: 02435683810

Fax:

Email: lienanth@magicwave.com.vn

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi: Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Sản phẩm trên do Meiji Co., Ltd; Địa chỉ: 2-2-1, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

CHI CỤC TRƯỞNG



Trần Ngọc Tự

Số: 20010274/KQ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 20010072/2001040

Trang 1/3

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG THẦN HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 26/26 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận mẫu: 06/01/2020

Thời gian thử nghiệm: 06-13/01/2020

Ngày trả kết quả: 14/01/2020

Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi:

Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Số lượng: 01 mẫu

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng bột, đựng trong lon kín

Kết quả: Xem trang 2,3/3

Phụ trách PTN



Trần Thụy Thanh Thảo



TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Việt

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample

2. Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp / Sample information was provided by the customer

3. (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận / Item was accredited by VILAS

4. (i) Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định / Item was assigned by Vietnam Food Administration (Ministry of Health)

KPH: Không phát hiện / ND: Not detected, LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
		100g	100mL ^(a)	100kcal		
01	Năng lượng	429	60,0	-	kcal	Được tính từ protein, carbohydrat và béo
02	Hàm lượng Protein (Nx6,25) (*)	12,8	1,8	3,0	g	H32 (TK.FAO, 14/7, 1986)
03	Hàm lượng chất béo tổng số (*)	18,0	2,5	4,2	g	TCVN 6688-1:2007
04	Carbohydrat	53,9	7,6	12,6	g	TCVN 4594:1998
05	Acid linoleic (dạng glycerid)	3300	462	770	mg	TK.AOAC 996.06
06	Vitamin A	545	76,3	127	µg	TCVN 7081-2 : 2010
07	Vitamin D (D3)	8,13	1,1	1,9	µg	AOAC 2016 (2011.11)
08	Vitamin E	10,5	1,5	2,5	mg	TCVN 8176:2018
09	Vitamin C	62,9	8,8	14,7	mg	TCVN 8977 : 2011
10	Vitamin B1 (Thiamin)	820	115	191	µg	TCVN 5164:2008
11	Vitamin B2 (Riboflavin)	870	122	203	µg	TCVN 8975:2011
12	Nicotinamid	9730	1362	2269	µg	EN 15652 - 2009
13	Vitamin B6	960	134	224	µg	EN 14164-2009
14	Acid folic	200	28,0	46,6	µg	TK. AOAC 992.05
15	Acid pantothenic	6350	889	1480	µg	TK. AOAC 2012.16
16	Vitamin B12	1,54	0,22	0,36	µg	QTTN/KT3 160:2017
17	Vitamin K1	35	4,9	8,2	µg	TCVN 8974 : 2011
18	Vitamin H (Biotin)	15	2,1	3,5	µg	EN 15607 - 2009
19	Natri (Na)	256	35,8	59,7	mg	AOAC 969.23
20	Kali (K)	836	117	195	mg	AOAC 969.23
21	Clorid	400	56,0	93,3	mg	TK.AOAC 937.09

Mã số: 20010072/2001040

Trang 3/3



STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
		100g	100mL ^(a)	100kcal		
22	Calci (Ca) (*)	719	101	168	mg	TCVN 6269 : 2008
23	Phospho (P) (*)	462	64,7	108	mg	TCVN 9516 : 2012
24	Tỷ lệ Calci/ Phospho	1,56			-	TCVN 6269 : 2008 & TCVN 9516 : 2012
25	Magnesi (Mg)	50,7	7,1	11,8	mg	TCVN 6269 : 2008
26	Sắt (Fe) (*)	7,41	1,0	1,7	mg	AOAC 999.11
27	Kẽm (Zn) (*)	4,52	0,63	1,1	mg	AOAC 999.11
28	Iod	110	15,4	25,7	µg	EN 15111-2007
29	Chì (Pb) (*) (i)	Không phát hiện (LOD=0,01)			mg/kg	AOAC 999.11
30	Cadimi (Cd) (*) (i)	Không phát hiện (LOD=0,01)			mg/kg	AOAC 999.11
31	Arsen (As)	Không phát hiện (LOD=0,01)			mg/kg	AOAC 986.15
32	Thủy ngân (Hg)	Không phát hiện (LOD=0,01)			mg/kg	AOAC 974.14
33	Thiếc (Sn)	Không phát hiện (LOD=0,05)			mg/kg	TK.AOAC 999.11
34	Aflatoxin M1	Không phát hiện (LOD=0,02)			µg/kg	TK.AOAC 2000.08
35	Melamin	Không phát hiện (LOD=1,0)			mg/kg	TK. LIB 4423
36	Ochratoxin A	Không phát hiện (LOD=0,5)			µg/kg	TCVN 9724:2013
37	Deoxynivalenol	Không phát hiện (LOD=100)			µg/kg	TCVN 10929:2015
38	Zearalenone	Không phát hiện (LOD=10)			µg/kg	TCVN 10640:2014
39	Patulin	Không phát hiện (LOD=10)			µg/kg	TCVN 9523:2012
40	Fumonisin tổng số (B1,B2)	Không phát hiện (LOD=100)			µg/kg	TCVN 9711:2013
41	Enterobacteriaceae	Không phát hiện			/10g	TCVN 5518 - 1 : 2007 (ISO 21528-1: 2004)
42	Salmonella (*)	Không phát hiện			/25g	TCVN 10780-1 : 2017 (ISO 6579-1 : 2017)

Ghi chú:

(a) Kết quả tính /100mL được tính dựa trên công thức pha: 28g sản phẩm + nước pha thành 200mL do khách hàng cung cấp
 Chỉ tiêu số 05,07,12-18,28 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

Số: 2304-01/2021/TB

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2021



THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÀ NHẬP KHẨU

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM HÀ NỘI

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG THẦN HÀ NỘI

Địa chỉ: số 26/26 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 35683810

Xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Chi Cục và xin trình bày một việc như sau:

Công ty chúng tôi đã đăng ký bản công bố cho 02 sản phẩm và được Quý Chi Cục cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm với thông tin như sau:

STT	Tên sản phẩm	Số giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm	Ngày cấp
1	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi: Meiji 0-1 year old INFANT FORMULA EZcube	9476/2021/ĐKSP	08/02/2021
2	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi: Meiji 0-1 year old INFANT FORMULA	9472/2021/ĐKSP	08/02/2021

Với các lô hàng nhập khẩu sau ngày 25/04/2021, thông tin nhà nhập khẩu và nhà phân phối chính thức sản phẩm theo các giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm nêu trên thay đổi như sau:

Nhà nhập khẩu: Công ty TNHH Meiji Food Việt Nam

Địa chỉ: Phòng 9A, tầng 10, tòa nhà TNR, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Nhà phân phối chính thức: Công ty Cổ Phần Sóng Thần Hà Nội

Địa chỉ: Số 26/26 Vương Thừa Vũ, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Công ty chúng tôi xin giữ nguyên các thông tin khác của sản phẩm như đã đăng ký tại Quý Chi Cục.

Công ty chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung thông báo này.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC
Đỗ Công Luận

Số: 2204-01/2021/TB

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2021

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÀ NHẬP KHẨU

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM HÀ NỘI

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG THẦN HÀ NỘI

Địa chỉ: số 26/26 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân,
TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 35683810

Xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Chi Cục và xin trình bày một việc như sau:

Công ty chúng tôi đã đăng ký bản công bố cho 05 sản phẩm và được Quý Chi
Cục cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm với thông tin như sau:

STT	Tên sản phẩm	Số giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm	Ngày cấp
1	Thực phẩm bổ sung: dành cho bà mẹ mang thai và cho con bú: Meiji Mama Milk	82/2018/ĐKSP	24/04/2018
2	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi: Meiji 0-1 year old INFANT FORMULA EZcube	971/2019/YTCCHN-ĐKSP	08/07/2019
3	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi: Meiji 0-1 year old INFANT FORMULA	970/2019/YTCCHN-ĐKSP	08/07/2019
4	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi: Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA EZcube	6838/2020/ĐKSP	19/10/2020
5	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi: Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA	6841/2020/ĐKSP	19/10/2020

Với các lô hàng nhập khẩu sau ngày 25/04/2021, thông tin nhà nhập khẩu và nhà
phân phối chính thức sản phẩm theo các giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm
nêu trên thay đổi như sau:

Nhà nhập khẩu: Công ty TNHH Meiji Food Việt Nam

Địa chỉ: Phòng 9A, tầng 10, tòa nhà TNR, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống
Đa, TP. Hà Nội

Nhà phân phối chính thức: Công ty Cổ Phần Sóng Thần Hà Nội

Địa chỉ: Số 26/26 Vương Thừa Vũ, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội



Công ty chúng tôi xin giữ nguyên các thông tin khác của sản phẩm như đã đăng ký và thông báo tại Quý Chi Cục.

Công ty chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung thông báo này.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Đỗ Công Luận

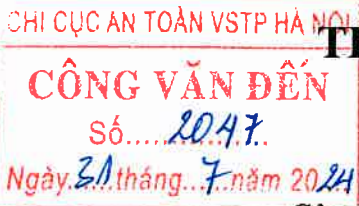


Số: 05./2024/TB-STHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

THÔNG BÁO

THAY ĐỔI THIẾT KẾ NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Sóng Thần Hà Nội xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Chi Cục và xin gửi thông báo thay đổi thiết kế nhãn chính của các sản phẩm đã được cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm tại Quý Chi Cục như sau:

STT	Tên sản phẩm	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm	Nội dung thay đổi và Thời gian áp dụng
1	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi: Meiji 0-1 year old INFANT FORMULA	Số: 9472/2021/ĐKSP Ngày: 08/02/2021	- Thiết kế mới của nhãn chính như file đính kèm. - Thời gian áp dụng: Thiết kế mới được sử dụng từ các lô hàng có ngày sản xuất từ ngày 01 tháng 08 năm 2024
2	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi: Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA	Số: 6841/2020/ĐKSP Ngày: 19/10/2020	- Thiết kế mới của nhãn chính như file đính kèm. - Thời gian áp dụng: Thiết kế mới được sử dụng từ các lô hàng có ngày sản xuất từ ngày 01 tháng 08 năm 2024

Căn cứ quy định tại Điểm 4 Điều 8 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, công ty chúng tôi trân trọng thông báo với Quý Chi Cục về các thay đổi nêu trên.

Công ty xin gửi kèm theo thông báo này các giấy tờ sau:

- Một (01) thiết kế mới của nhãn chính của sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi: Meiji 0-1 year old INFANT FORMULA.
- Một (01) thiết kế mới của nhãn chính của sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 1 đến 3 tuổi: Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Công ty chúng tôi cam kết tên sản phẩm, xuất xứ và thành phần cấu tạo của các sản phẩm nêu trên không thay đổi.

Công ty chúng tôi xin giữ nguyên các thông tin khác của sản phẩm như đã đăng ký và thông báo tại Quý Chi Cục.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT.



GROWING UP FORMULA 800g (ベトナム向け)
P1200WXF404

Senica launching infant formula in Japan in 1923. May has continued to make advances in the field of infant nutrition research and manufacturing technology development and has supplied formula designed for infants and children at each stage of growth. Since 1972, we have researched the growth and nutritional intake of more than 200,000 infants and children in Japan. This research has provided the basis for the development of a new infant nutrition formula. This product is a preterm infant formula designed to provide the nutritional support required for the growth of children aged between 1-3 years. Use in combination with baby food and other solid foods.

- Provides iron that is often difficult for young children to get from meals
- Provides 100% support of calcium which is necessary for the formation of teeth and bones
- Adeq. DHA which is important for brain development in young children
- Provides 70% support for 18 kinds of vitamins and minerals important to young children's growth
- Contains D3 that properly regulates the immune system
- Contains 100% support of 10 essential vitamins
- Contains five types of nucleotides that regulate the immune system

Nutritional Support

- Provides iron that is often difficult for young children to get from foods.
 - Provides 100% support of calcium which is necessary for the formation of teeth and bones.
 - Adds DHA which is important for brain development, as young children need 70% support.
 - Provides 70% support for 16 kinds of vitamins and minerals important for young children growth.
 - Contains FOS that properly regulates the intestinal environment.
 - Contains lactulose that has an effective laxating function.
 - Contains lactulose that has an effective laxating function.
 - Contains five types of nucleotides that improve the immune system.
- Percentage of Recommended Nutrient Intakes. Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (2004) (pp. 1-3) p. 3

Feeding guide
Precautions

- Make only the necessary amount of formula for a single feeding. Dispose of all leftover formula after feeding. ● Never use a microwave oven to prepare or warm formula.

- To maintain sanitation and freshness, please keep the lid lightly closed and store the tin in a clean, dry cool place before and after opening. ● Do not refrigerate. ● After opening the tin, use the contents as soon as possible (within one month). ● After using the tin, please keep it in a sanitary condition. Do not put it back into the bin.

Factory: Atsugi Co. Ltd. Suitama plant Address: 1-5 Minamisanjo Kasukabe city, Suitama Japan

How to use the easy cap



100

Net 800 88

*Percentage of "Recommended Nutrient Intakes, Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (WHO 2004)" (for 1-2 yrs)

Melji Co., Ltd.

GROWING UP FORMULA

Iron, Calcium
100% Support
in 400 ml

MADE IN JAPAN

DHA
Vitamin
Mineral

Easy Measuring
Quick Dissolving

Melji Co., Ltd.

Nutritional Information				Per 100 g	Per 100 kcal	Per 100 g	Per 100 kcal
				g	%	mg	%
Energy				459	100	18.7	100
Protein				12.9	27.0	0.54	2.9
Lactoserin				10	1.4	0.43	2.3
Fat				18.0	3.9	0.75	4.0
Saturated fatty acid				3.9	0.55	0.16	0.8
Trans fatty acid				0	0	0	0
Monosaccharide				2.0	0.4	0.08	0.4
Disaccharide				41.0	9.0	1.7	9.2
Dolcitol				mg	70	0.8	4.3
end (DHA)							
Carbohydrate				61	2	2.6	13
Fructooligosaccharides (FOS)				1.9	0.27	0.08	0.4
Vitamin A				µg	RE	500	70
Vitamin B ₁				mg		4.50	63
Vitamin B ₂				mg		4.50	63
Vitamin B ₃				mg		4.50	63
Vitamin B ₅				mg		4.50	63
Vitamin B ₆				mg		4.50	63
Vitamin B ₁₂				µg		4.50	63
Vitamin C				mg		4.50	63
Vitamin D				µg		4.50	63
Vitamin E				mg		4.50	63
Vitamin K				µg		4.50	63
Vitamin P				µg		4.50	63
Vitamin B ₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₂₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₃₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₄₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₅₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₆₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₇₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₈₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₉₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₀₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₁₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₂₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₃₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₄₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₅₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₆₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₇₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₈				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₈₉				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₀				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₁				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₂				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₃				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₄				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₅				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₆				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₇				µg		4.50	63
Vitamin B ₁₉₈				µg		4.50	63
Vitamin B<							

[illegible]

Figure 1

高橋

★

111-H08-11

C240209-04

東洋製板株式会社

P1200VXF-04

橋下ゲージ識別タグ

**Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 đến 12 tháng tuổi: Meiji 0-1 year old
INFANT FORMULA**

Meiji 0-1 year old INFANT FORMULA

	Từ khi ra mắt sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ sơ sinh tại Nhật Bản vào năm 1923, Meiji đã không ngừng nâng cao các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng và phát triển công nghệ sản xuất và các công thức đã được thiết lập cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ tại mỗi giai đoạn phát triển. Từ năm 1972, chúng tôi đã nghiên cứu sự tăng trưởng và lượng hấp thụ dinh dưỡng của hơn 200.000 trẻ sơ sinh để xác nhận thiết kế dinh dưỡng phù hợp, và chúng tôi đã xuất bản 14 bài báo, bao gồm trên cả các tạp chí quốc tế. Dựa trên các kết quả nghiên cứu của chúng tôi, sản phẩm này chứa các thành phần dinh dưỡng phù hợp với sự tăng trưởng của trẻ nhỏ.
---	--

CHÚ Ý QUAN TRỌNG

Sữa mẹ là tốt nhất cho trẻ nhỏ. Tổ chức y tế thế giới khuyến nghị nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong sáu tháng sau sinh. Sự giới thiệu không cần thiết về việc cho ăn bằng bình hoặc thức ăn và các đồ uống khác sẽ có ảnh hưởng tiêu cực tới việc nuôi con bằng sữa mẹ. Sau 6 tháng tuổi, trẻ em nên nhận được một lượng thức ăn phù hợp với độ tuổi trong khi việc nuôi con bằng sữa mẹ tiếp tục tới khi đứa bé được 2 tuổi hoặc hơn. Tham khảo ý kiến của bác sĩ trước khi quyết định sử dụng sản phẩm công thức cho trẻ em hay nếu bạn có khó khăn khi nuôi con bằng sữa mẹ.

CHÚ Ý

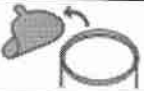
- Khi bạn sử dụng sản phẩm, làm theo hướng dẫn của bác sĩ, chuyên gia sức khỏe hoặc chuyên gia dinh dưỡng của bạn liên quan đến việc sử dụng sản phẩm công thức
- Làm theo các hướng dẫn pha một cách cẩn thận. Việc pha sản phẩm không đúng cách có thể nguy hiểm tới sức khỏe trẻ.
- Chỉ chuẩn bị lượng cần thiết cho một lần ăn và sử dụng càng sớm càng tốt sau khi pha. Bỏ lượng pha thừa sau khi trẻ sử dụng.
- Bổ sung thêm thức ăn khác cho trẻ cùng với sản phẩm này khi trẻ được 6 tháng trở lên
- Không bao giờ sử dụng lò vi sóng để pha hoặc làm ấm sản phẩm công thức.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Để giữ sản phẩm luôn sạch và tươi, hãy đậy nắp thật chặt và bảo quản ở nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát ngay cả trước và sau khi mở hộp.
- Không được bỏ vào tủ lạnh.
- Sau khi mở hộp, cố gắng sử dụng hết càng sớm càng tốt (trong vòng 1 tháng).

- Muỗng đong sau khi sử dụng hãy bảo quản thật vệ sinh. Vui lòng không bỏ vào trong hộp.

❖ LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỞ NẮP DỄ DÀNG

Sử dụng nắp dễ dàng như thế nào			
1	2	3	4
			
Kéo và bỏ dải bảo vệ	Tháo toàn bộ nắp và niêm phong và lấy thìa ra khỏi hộp	Thay nắp và ấn vào 3 điểm đánh dấu "↓" như hình	Khi đông, mở nắp và san bằng thìa như hình vẽ.

Bảng gợi ý lượng cho ăn				
Trẻ sơ sinh		Chuẩn bị cho một lần cho ăn	Số lần cho ăn trong ngày	
Độ tuổi (tháng)	Cân nặng (kg)	Tổng số lượng sản phẩm (Tổng số muỗng)	Sản phẩm dinh dưỡng	Thức ăn khác
0 – 1/2	3.0	80 ml (4)	7	-
1/2 – 1	3.8	80 ml (4) - 120 ml (6)	7	-
1 – 3	5.3	120 ml (6) – 160 ml (8)	6	-
3 – 5	6.8	200 ml (10)	5	-
5 – 7	7.7	200 ml (10)	5	1
7 – 9	8.3	200 ml (10)	5	2
9 – 12	8.8	200 ml (10)	5	3

- Sử dụng muỗng kèm theo trong hộp để đo lượng pha một cách chính xác
- Một muỗng (xấp xỉ 2.7g) pha được 20ml
- Xin tham khảo bảng và điều chỉnh lượng và số lần ăn theo nhu cầu
- Điều chỉnh lượng cho trẻ sử dụng sau khi cho ăn thức ăn trẻ em, phụ thuộc vào quá trình tập ăn.

Nhà sản xuất: Meiji Co., Ltd

Địa chỉ: 2-2-1 Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản

Nhà máy sản xuất: Meiji Co., Ltd. Nhà máy Saitama

Địa chỉ: 1-5, Minamisakae, Kasukabe city, Saitama, Nhật Bản

Ngày sản xuất (MFG) và ngày hết hạn (EXP) được ghi dưới đáy hộp.



Preparation

1

Rửa tay thật kỹ trước khi pha. Đảm bảo dụng cụ pha phải được vệ sinh sạch sẽ và được tiệt trùng bằng nước đun sôi

2

Dùng muỗng trong hộp để đo đúng chính xác lượng cần thiết, sau đó cho vào bình pha đã được tiệt trùng và khô.

3

Rót nước sôi đã để nguội (từ 70 độ C trở lên) vào bình pha khoảng 2/3 lượng pha đã hướng dẫn trên nhãn, chú ý cẩn thận để tránh bị bỏng. Đậy nắp bình lại, lắc nhẹ (xoay tròn) cho đến khi tan hoàn toàn

4

Thêm nước nóng vừa đủ lượng nước chỉ định. Đậy nắp bình lại, lắc nhẹ, tráng qua nước lạnh để làm nguội bớt. Khi cho trẻ bú, hãy đảm bảo là nhiệt độ gần bằng nhiệt độ cơ thể

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

		Trên 100g bột	Trên 100ml			Trên 100g bột	Trên 100ml
Năng lượng	kcal	506	68	Biotin	µg	12	1.6
	kJ	2118	286	Các Khoáng chất			
Protein	g	11.1	1.5	Sắt	mg	6.0	0.81
α-Lactalbumin (α-La)	g	1.0	0.14	Canxi	mg	380	51
β-Lactoglobulin	g	0.83	0.11	Phốt pho	mg	210	28
Tổng chất béo	g	26.1	3.5	Magiê	mg	40	5.4
Axit Linoleic	mg	3600	490	Natri	mg	140	19
Axit α- Linolenic	mg	430	58	Clorid (clorua)	mg	310	42
Axit Docosahexaenoic (DHA)	mg	100	14	Kali	mg	490	66
Axit Arachidonic (ARA)	mg	100	14	Mangan	µg	30	4.1
Tổng Carbohydrate	g	57.7	7.8	Iod	µg	70	9.5
Fructooligosaccharides (FOS)	g	2.0	0.27	Selen	µg	10.4	1.4
Các Vitamin				Đồng	µg	320	43
Vitamin A	µg RE	390	53	Kẽm	mg	3.0	0.41
Vitamin D ₃	µg	6.5	0.88	Khác			
Vitamin E	mg α-TE	6.2	0.84	Cholin	mg	60	8.1
Vitamin K	µg	25	3.4	Myo-Inositol	mg	90	12
Vitamin B ₁	µg	400	54	Lactadherin	mg	25	3.4

Vitamin B ₂	µg	600	81	Phospholipids sữa	mg	260	35
Niacin	µg	3000	405	β-Carotene	µg	70	9.5
Vitamin B ₆	µg	300	41	Cholesterol	mg	74	10
Vitamin B ₁₂	µg	2.0	0.27	Taurin	mg	28	3.8
Axit Pantothenic	µg	4300	581	Nucleotides	mg	14	1.9
Axit folic	µg	100	14	L-Carnitin	mg	10	1.4
Vitamin C	mg	70	9.5				

- **Thành phần:**

Lactose, Chất béo tổng hợp (mỡ heo, dầu đậu nành, dầu dừa, dầu cá tinh luyện, Axit Arachidonic, Cholesterol), Đạm whey cô đặc, Canxi Caseinat, Đạm whey khử khoáng cô đặc, Fructooligosaccharides, Bột buttermilk, Dextrin, Bột sữa tách kem, Canxi photphat, Magiê clorua, Canxi cacbonat, Kali clorua, Kali cacbonat, Vitamin C, Inositol, Natri clorua, Taurine, Ferric pyrophotphat, Canxi clorua, Vitamin E, Kẽm sunfat, Disodium 5' -cytidylate, Canxi pantotenat, Disodium 5' -uridylate, Nicotinamid, L-Carnitine, Disodium 5' -inosinate, Disodium 5'-guanylate, 5'-Adenylic acid, Đồng sunfat, Vitamin A, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, β-Carôten, Axit folic, Mangan sunfat, Kali iotua, Vitamin K1, Biotin, Vitamin D3, Natri sêlênit, Vitamin B12.

CHỨNG NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT QUỐC TẾ NAM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 26/365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

Email: tuvannamhanoi@gmail.com

ĐT: 024.36280340 / 0942.942.822

CHỨNG NHẬN BẢN DỊCH

Hôm nay, ngày 18 tháng 07 năm 2024 (Ngày mười tám, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại trụ sở Văn phòng Công ty cổ phần Dịch thuật Quốc tế Nam Hà Nội.

- * Bản dịch này được Cộng tác viên Phiên dịch của Công ty cổ phần Dịch thuật Quốc tế Nam Hà Nội, đã dịch chính xác văn bản trên từ tiếng Anh đính kèm sang tiếng Việt.
- * Nội dung của bản dịch chính xác, phù hợp và đúng với bản chính, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- * Văn bản chứng nhận này được lập thành 2 bản chính, mỗi bản gồm tờ, trang.

Số bản dịch: 2614 Quyển số: 01.2024 XN/BD-NHN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lại Mạnh Trường



meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Since launching infant formula in Japan in 1923, Meiji has continued to make advances in the field of infant nutrition research and manufacturing technology development and has supplied formula designed for infants and children at various stages of growth and development. The growth and nutritional intake of more than 200,000 infants to confirm appropriate nutritional design and the growth and nutritional intake of more than 200,000 children aged between 1-3 years. Use in combination with baby food and other solid foods.

Nutritional Support

- Provides iron that is difficult for young children to get from food.
- Provides 100% support of calcium which is necessary for the formation of teeth and bones.
- Adds DHA which is important for brain development in young children.
- Provides 70% support for 10 kinds of vitamins and minerals important for growth and development.
- Contains FOS that properly regulates the digestive system.
- Contains Bifidobacteria that has an effect on the digestive system.
- Contains Bifidobacteria that has an effect on the digestive system.
- Contains Bifidobacteria that has an effect on the digestive system.

*Percentage of "Recommended Nutrient Intakes, Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (WHO, 2004)" (for 1-3 yrs)

Feeding guide

1-3 yrs 5 200 ml 2-3

Quantity per feeding (1 feeding)

Number of feedings per day

Preparation (1 feeding)

Amount of formula

Amount of water

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

Amount of powder

GROWING UP FORMULA

1-3 years old

meiji

Iron, Calcium
100% Support
in 400 ml

MADE IN JAPAN

DHA Vitamin
Mineral

FOS, Lactadherin
5 Nucleotides

Easy Measuring
Quick Dissolving

*Percentage of "Recommended Nutrient Intakes, Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (WHO, 2004)" (for 1-3 yrs)

Net 800 g

Meiji Co., Ltd.

V205



4 902705 122925

How to use the easy cap

1. Pull the tab and peel to remove

2. Push the tab and peel to remove

3. Push the tab and peel to remove

4. Push the tab and peel to remove

5. Push the tab and peel to remove

6. Push the tab and peel to remove

Meiji Pharmaceutical Co., Ltd. Address: 2-1-1, Kojimachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
Factory: Meiji Co., Ltd. Sakuma plant Address: 1-1, Minamimachi, Kamikatsu City, Shikoku, Japan
Manufacturing date (MFG) and expiry date (EXP) are indicated on the bottom of the tin.

1. Accurately measure the required amount of the formula powder using the spoon and pour the powder into a clean container (bottle or cup).
2. Pour boiled water (which is approximately 50°C) into the container up to approximately 2/3 of the marked total amount of formula taking the prepared formula is at approximately body temperature.
3. Mix well with a spoon and feed the baby.

Nutritional Information

	Per 100g	Per 100ml	Per 100kcal
Energy	465 kcal	182 kcal	465 kcal
Protein	13.9 g	5.7 g	13.9 g
Lactadherin	10.1 g	4.2 g	10.1 g
Fat	18.0 g	7.5 g	18.0 g
Saturated fatty acid	5.0 g	2.1 g	5.0 g
Trans fatty acid	0.0 g	0.0 g	0.0 g
Cholesterol	40.0 mg	16.7 mg	40.0 mg
Carbohydrate	70.0 g	29.2 g	70.0 g
add (DHA)	61.2 mg	25.7 mg	61.2 mg
Fructooligosaccharide (FOS)	1.9 g	0.8 g	1.9 g
Vitamin A	500 IU	200 IU	500 IU
Vitamin B1	0.5 mg	0.2 mg	0.5 mg
Vitamin B2	0.3 mg	0.1 mg	0.3 mg
Vitamin B6	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin B12	0.5 µg	0.2 µg	0.5 µg
Vitamin C	60 mg	24 mg	60 mg
Vitamin E	1.0 mg	0.4 mg	1.0 mg
Vitamin K	0.5 mg	0.2 mg	0.5 mg
Vitamin D	10 µg	4 µg	10 µg
Vitamin H	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin P	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin Q	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin R	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin S	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin T	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin U	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin V	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin W	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin X	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin Y	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin Z	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin PP	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin QQ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin RR	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin SS	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin TT	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin UU	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin VV	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin WW	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin XX	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin YY	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin ZZ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin PP	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin QQ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin RR	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin SS	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin TT	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin UU	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin VV	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin WW	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin XX	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin YY	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin ZZ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin PP	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin QQ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin RR	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin SS	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin TT	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin UU	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin VV	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin WW	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin XX	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin YY	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin ZZ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin PP	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin QQ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin RR	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin SS	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin TT	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin UU	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin VV	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin WW	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin XX	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin YY	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin ZZ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin PP	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin QQ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin RR	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin SS	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin TT	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin UU	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin VV	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin WW	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin XX	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin YY	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin ZZ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin PP	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin QQ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin RR	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin SS	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin TT	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin UU	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin VV	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin WW	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin XX	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin YY	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin ZZ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin PP	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin QQ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin RR	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin SS	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin TT	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin UU	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin VV	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin WW	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin XX	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin YY	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin ZZ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin AA	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin BB	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin CC	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin DD	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin EE	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin FF	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin GG	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin HH	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin II	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin JJ	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin KK	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin LL	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin MM	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin NN	0.1 mg	0.04 mg	0.1 mg
Vitamin OO	0.1 mg	0.04 mg	

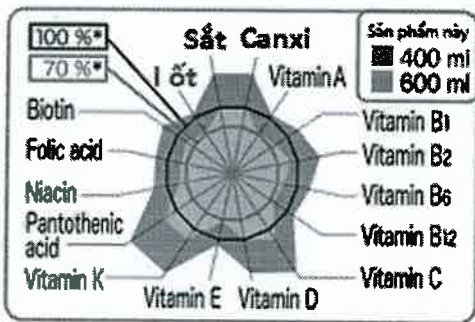
SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC CHO TRẺ TỪ 1 ĐẾN 3 TUỔI

meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Từ khi ra mắt sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ sơ sinh tại Nhật Bản vào năm 1923, Meiji đã không ngừng nâng cao các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng và phát triển công nghệ sản xuất và các công thức đã được thiết lập cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ tại mỗi giai đoạn phát triển. Từ năm 1972, chúng tôi đã nghiên cứu sự tăng trưởng và lượng hấp thụ dinh dưỡng của hơn 200.000 trẻ sơ sinh để xác nhận thiết kế dinh dưỡng phù hợp, và chúng tôi đã xuất bản 14 bài báo, bao gồm trên cả các tạp chí quốc tế. Sản phẩm này là sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho tăng trưởng được thiết kế để hỗ trợ dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của trẻ ở độ tuổi giữa 1-3 tuổi. Sử dụng kết hợp với thức ăn của trẻ và những thức ăn ở thể rắn khác.

HỖ TRỢ DINH DƯỠNG



- Bổ sung sắt, trẻ nhỏ thường khó lấy được sắt từ bữa ăn.
- Cung cấp 100% canxi mà là chất cần thiết cho sự hình thành của răng và xương.
- Bổ sung DHA, DHA quan trọng cho sự phát triển não của trẻ nhỏ.
- Cung cấp 70% của 16 loại vitamin và khoáng chất là chất quan trọng cho sự phát triển của trẻ nhỏ.
- Bổ sung FOS, FOS giúp cân bằng môi trường đường ruột.
- Bổ sung lactadherin, lactadherin có chức năng chống nhiễm trùng.
- Bổ sung năm loại nucleotides, các chất giúp cải thiện hệ thống miễn dịch.

* Phần trăm của “Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, các yêu cầu vitamin và khoáng chất trong dinh dưỡng của con người PHIÊN BẢN THỨ 2 (WHO, 2004)” (cho 1-3 tuổi)

ĐỊNH LƯỢNG PHA

Tuổi	Lượng pha (trong 1 bình)		Lượng khuyến khích dùng/ngày
	Số muỗng gạt	Lượng pha	
1-3 tuổi	5 muỗng	200ml	2 -3

- Sử dụng muỗng kèm theo trong hộp để đo lượng pha một cách chính xác
- Một muỗng (xấp xỉ 5.6 g) pha được 40ml
- Xin tham khảo bảng và điều chỉnh lượng và số lần ăn theo nhu cầu

CHÚ Ý QUAN TRỌNG

- Chỉ lấy một lượng pha cần thiết cho một lần ăn. Bỏ đi tất cả phần dư còn lại sau khi ăn.
- Không bao giờ sử dụng lò vi sóng để chuẩn bị hoặc làm ấm sản phẩm

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Để giữ sản phẩm luôn sạch và tươi, hãy đậy nắp thật chặt và bảo quản ở nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát ngay cả trước và sau khi mở hộp.
- Không được bỏ vào tủ lạnh.
- Sau khi mở hộp, cố gắng sử dụng hết càng sớm càng tốt (trong vòng 1 tháng).
- Muỗng đóng sau khi sử dụng hãy bảo quản thật vệ sinh. Vui lòng không bỏ vào trong hộp.

Nhà sản xuất: Meiji Co., Ltd.

Địa chỉ: 2-2-1, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản

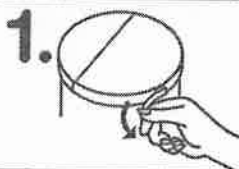
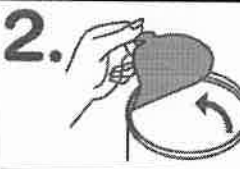
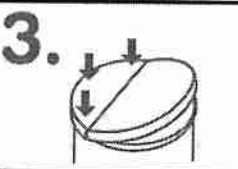
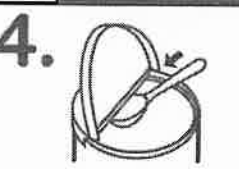
Cơ sở sản xuất: Meiji Co., Ltd. Nhà máy Saitama

Địa chỉ: 1-5 Minamisakae, thành phố Kasukabe, Saitama,

Nhật Bản

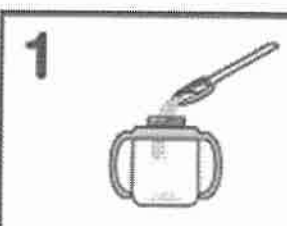
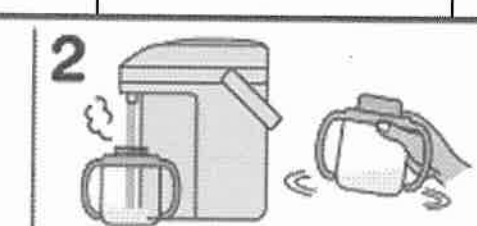
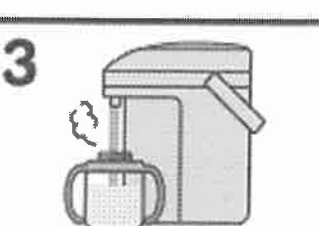
Ngày sản xuất (MFG) và ngày hết hạn (EXP) được thể hiện ở đáy hộp.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỞ NẮP DỄ DÀNG

Sử dụng nắp dễ dàng như thế nào			
			
Kéo và bỏ dải bảo vệ	Tháo toàn bộ nắp và niêm phong và lấy thìa ra khỏi hộp	Thay nắp và ấn vào 3 điểm đánh dấu "↓" như hình	Khi đông sữa, mở nắp và san bằng thìa như hình vẽ.

 Trọng lượng tịnh: 800g

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA

Chuẩn bị		
		
Định lượng chính xác lượng bột theo yêu cầu bằng cách sử dụng thìa đi kèm và cho vào bình chứa sạch (bình hoặc cốc).	Đổ nước sôi để nguội đến khoảng 50°C vào bình với lượng bằng 2/3 chỉ định, chú ý để không bị bỏng và lắc đều cho đến khi bột tan hoàn toàn.	Thêm nước sôi vừa đủ lượng nước chỉ định, khuấy đều. Khi cho trẻ dùng, hãy đảm bảo nhiệt độ pha gần bằng nhiệt độ cơ thể.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

		100g bột	100ml			100g bột	100ml
Năng lượng	kcal	459	64	Axit Pantothenic	µg	4400	616
	kJ	1927	270	Axit folic	µg	210	29
Protein	g	13.9	1.9	Vitamin C	mg	63	8.8
Lactadherin	mg	10	1.4	Biotin	µg	12	1.07
Chất béo	g	18.0	2.5	Khoáng chất			
Axit béo bão hòa	g	3.9	0.55	Sắt	mg	8.6	1.2
Axit béo chuyển hóa	g	0	0	Canxi	mg	900	126
Axit Linoleic	g	2.6	0.36	Phot pho	mg	450	63
Axit α- Linolenic	mg	410	57	Magiê	mg	60	8.4
AxitDocosaehaenoic(DHA)	mg	70	9.8	Natri	mg	200	28
Carbohydrate	g	61.2	8.6	Clorua	mg	450	63
Fructooligosaccharides (FOS)	g	1.9	0.27	Kali	mg	790	111
Vitamin				I ốt	µg	115	16
Vitamin A	µg RE	500	70	Selen	µg	10	1.4
Vitamin D	µg	9.0	1.3	Đồng	µg	320	45
Vitamin E	mg α-TE	6.5	0.91	Kẽm	mg	4.0	0.56
Vitamin K	µg	32	4.5	Khác			
Vitamin B ₁	µg	700	98	Phospholipids sữa	mg	340	48
Vitamin B ₂	µg	800	112	β-Carotene	µg	100	14
Niacin	µg NE	8600	1204	Taurine	mg	33	4.6
Vitamin B ₆	µg	700	98	Nucleotides	mg	14	2.0
Vitamin B ₁₂	µg	1.2	0.17				

THÀNH PHẦN:

Lactose, Bột sữa tách kem, Bột buttermilk, Dầu thực vật tinh luyện (dầu hướng dương giàu oleic, dầu hạt cải, dầu đậu nành, dầu cò, dầu cò olein hóa), Đạm whey khử muối, Fructooligosaccharides, Đạm whey cô đặc, Đạm whey thủy phân cô đặc, Dextrin, Dầu cá tinh luyện (có chứa DHA), Taurine, Nucleotides (Disodium 5' - cytidylate, Disodium 5' -uridylate, Disodium 5' -inosinate, Disodium 5'-guanylate, 5'- Adenylic acid), Men, Chất khoáng (Canxi cacbonat, Canxi phosphat, Kali cacbonat, Magie clorua, Ferric pyrophosphat, Natri phosphat, Kẽm sunfat, Kali phosphat, Đồng sunfat, Kali iotua), Vitamin (Vitamin C, Nicotinamid, Vitamin E, Canxi pantothenat, Vitamin B₆, Vitamin B₁, Vitamin A, Acid Folic, β-Caroten, Vitamin K₁, Vitamin B₂, Vitamin D₃, Biotin, Vitamin B₁₂).

CHỨNG NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT QUỐC TẾ NAM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 26/365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

Email: tuvannamhanoi@gmail.com

ĐT: 024.36280340 / 0942.942.822

CHỨNG NHẬN BẢN DỊCH

Hôm nay, ngày 18 tháng 07 năm 2024 (Ngày mười tám, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại trụ sở Văn phòng Công ty cổ phần Dịch thuật Quốc tế Nam Hà Nội.

- * Bản dịch này được Cộng tác viên Phiên dịch của Công ty cổ phần Dịch thuật Quốc tế Nam Hà Nội, đã dịch chính xác văn bản trên từ tiếng Anh đính kèm sang tiếng Việt.
- * Nội dung của bản dịch chính xác, phù hợp và đúng với bản chính, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- * Văn bản chứng nhận này được lập thành 2 bản chính, mỗi bản gồm tờ, trang.

Số bản dịch: 2613 Quyền số: 01.2024 XN/BD-NHN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lại Mạnh Trường

[illegible]

meiji

GROWING UP FORMULA

Iron, Calcium
100%* Support
in 400 ml

MADE IN JAPAN

DHA Vitamin Mineral

**Easy Measuring
Quick Dissolving**

Net 800 g

**FOS, Lactadherin
5 Nucleotides**

Meiji Co., Ltd.

*Percentage of *Recommended Nutrient Intakes, Vitamin and mineral requirements to human nutrition, SECOND EDITION (WHO, 2004)* (for 1-3 yrs)

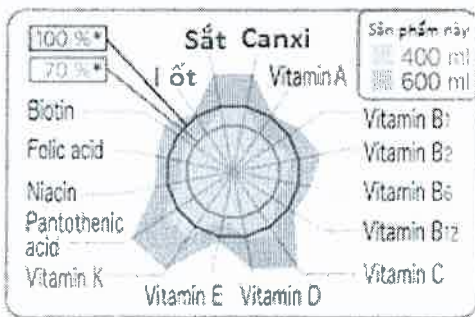
[illegible]

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC CHO TRẺ TỪ 1 ĐẾN 3 TUỔI **meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA**

Meiji 1-3 years old GROWING UP FORMULA

Từ khi ra mắt sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ sơ sinh tại Nhật Bản vào năm 1923, Meiji đã không ngừng nâng cao các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng và phát triển công nghệ sản xuất và các công thức đã được thiết lập cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ tại mỗi giai đoạn phát triển. Từ năm 1972, chúng tôi đã nghiên cứu sự tăng trưởng và lượng hấp thụ dinh dưỡng của hơn 200.000 trẻ sơ sinh để xác nhận thiết kế dinh dưỡng phù hợp, và chúng tôi đã xuất bản 14 bài báo, bao gồm trên cả các tạp chí quốc tế. Sản phẩm này là sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho tăng trưởng được thiết kế để hỗ trợ dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của trẻ ở độ tuổi giữa 1-3 tuổi. Sử dụng kết hợp với thức ăn của trẻ và những thức ăn ở thể rắn khác.

HỖ TRỢ DINH DƯỠNG



* Phần trăm của “Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, các yêu cầu vitamin và khoáng chất trong dinh dưỡng của con người PHIÊN BẢN THỨ 2 (WHO, 2004)” (cho 1-3 tuổi)

- Bổ sung sắt, trẻ nhỏ thường khó lấy được sắt từ bữa ăn.
- Cung cấp 100% canxi mà là chất cần thiết cho sự hình thành của răng và xương.
- Bổ sung DHA, DHA quan trọng cho sự phát triển não của trẻ nhỏ.
- Cung cấp 70% của 16 loại vitamin và khoáng chất là chất quan trọng cho sự phát triển của trẻ nhỏ.
- Bổ sung FOS, FOS giúp cân bằng môi trường đường ruột.
- Bổ sung lactadherin, lactadherin có chức năng chống nhiễm trùng.
- Bổ sung năm loại nucleotides, các chất giúp cải thiện hệ thống miễn dịch.

ĐỊNH LƯỢNG PHA

Tuổi	Lượng pha (trong 1 bình)		Lượng khuyến khích dùng/ngày
	Số muỗng gạt	Lượng pha	
1-3 tuổi	5 muỗng	200ml	2 -3

- Sử dụng muỗng kèm theo trong hộp để đo lượng pha một cách chính xác
- Một muỗng (xấp xỉ 5.6 g) pha được 40ml
- Xin tham khảo bảng và điều chỉnh lượng và số lần ăn theo nhu cầu

✦ CHÚ Ý QUAN TRỌNG

- Chỉ lấy một lượng pha cần thiết cho một lần ăn. Bỏ đi tất cả phần dư còn lại sau khi ăn.
- Không bao giờ sử dụng lò vi sóng để chuẩn bị hoặc làm ấm sản phẩm

✦ HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Để giữ sản phẩm luôn sạch và tươi, hãy đậy nắp thật chặt và bảo quản ở nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát ngay cả trước và sau khi mở hộp.
- Không được bỏ vào tủ lạnh.
- Sau khi mở hộp, cố gắng sử dụng hết càng sớm càng tốt (trong vòng 1 tháng).
- Muỗng đóng sau khi sử dụng hãy bảo quản thật vệ sinh. Vui lòng không bỏ vào trong hộp.

Nhà sản xuất: Meiji Co., Ltd.

Địa chỉ: 2-2-1, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản

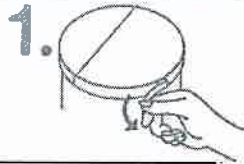
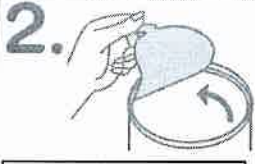
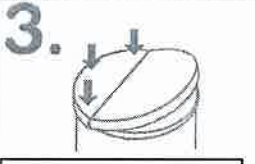
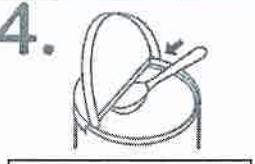
Cơ sở sản xuất: Meiji Co., Ltd. Nhà máy Saitama

Địa chỉ: 1-5 Minamisakae, thành phố Kasukabe, Saitama,

Nhật Bản

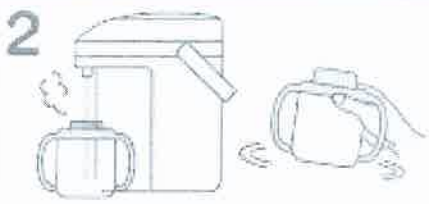
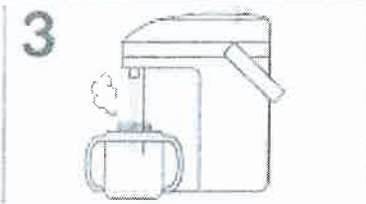
Ngày sản xuất (MFG) và ngày hết hạn (EXP) được thể hiện ở đáy hộp.

✦ LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỞ NẮP DỄ DÀNG

Sử dụng nắp dễ dàng như thế nào			
			
Kéo và bỏ dải bảo vệ	Tháo toàn bộ nắp và niêm phong và lấy thìa ra khỏi hộp	Thay nắp và ấn vào 3 điểm đánh dấu "↓" như hình	Khi đông sữa, mở nắp và san bằng thìa như hình vẽ.

✦ Trọng lượng tịnh: 800g

✦ HƯỚNG DẪN CÁCH PHA

Chuẩn bị		
		
Định lượng chính xác lượng bột theo yêu cầu bằng cách sử dụng thìa đi kèm và cho vào bình chứa sạch (bình hoặc cốc).	Đổ nước sôi để nguội đến khoảng 50°C vào bình với lượng bằng 2/3 chỉ định, chú ý để không bị bỏng và lắc đều cho đến khi bột tan hoàn toàn.	Thêm nước sôi vừa đủ lượng nước chỉ định, khuấy đều. Khi cho trẻ dùng, hãy đảm bảo nhiệt độ pha gần bằng nhiệt độ cơ thể.

📌 THÔNG TIN DINH DƯỠNG

		100g bột	100ml			100g bột	100ml
Năng lượng	kcal	459	64	Axit Pantothenic	µg	4400	616
	kJ	1927	270	Axit folic	µg	210	29
Protein	g	13.9	1.9	Vitamin C	mg	63	8.8
Lactadherin	mg	10	1.4	Biotin	µg	12	1.07
Chất béo	g	18.0	2.5	Khoáng chất			
Axit béo bão hòa	g	3.9	0.55	Sắt	mg	8.6	1.2
Axit béo chuyển hóa	g	0	0	Canxi	mg	900	126
Axit Linoleic	g	2.6	0.36	Phot pho	mg	450	63
Axit α- Linolenic	mg	410	57	Magiê	mg	60	8.4
AxitDocosahexaenoic(DHA)	mg	70	9.8	Natri	mg	200	28
Carbohydrate	g	61.2	8.6	Clorua	mg	450	63
Fructooligosaccharides (FOS)	g	1.9	0.27	Kali	mg	790	111
Vitamin				I ốt	µg	115	16
Vitamin A	µg RE	500	70	Selen	µg	10	1.4
Vitamin D	µg	9.0	1.3	Đồng	µg	320	45
Vitamin E	mg α-TE	6.5	0.91	Kẽm	mg	4.0	0.56
Vitamin K	µg	32	4.5	Khác			
Vitamin B ₁	µg	700	98	Phospholipids sữa	mg	340	48
Vitamin B ₂	µg	800	112	β-Carotene	µg	100	14
Niacin	µg NE	8600	1204	Taurine	mg	33	4.6
Vitamin B ₆	µg	700	98	Nucleotides	mg	14	2.0
Vitamin B ₁₂	µg	1.2	0.17				

📌 THÀNH PHẦN:

Lactose, Bột sữa tách kem, Bột buttermilk, Dầu thực vật tinh luyện (dầu hướng dương giàu oleic, dầu hạt cải, dầu đậu nành, dầu cò, dầu cò olein hóa), Dạm whey khử muối, Fructooligosaccharides, Dạm whey cô đặc, Dạm whey thủy phân cô đặc, Dextrin, Dầu cá tinh luyện (có chứa DHA), Taurine, Nucleotides (Disodium 5' - cytidylate, Disodium 5' -uridylate, Disodium 5' -inosinate, Disodium 5'-guanylate, 5'- Adenylic acid), Men, Chất khoáng (Canxi cacbonat, Canxi phosphat, Kali cacbonat, Magie clorua, Ferric pyrophosphat, Natri phosphat, Kẽm sunfat, Kali phosphat, Đồng sunfat, Kali iotua), Vitamin (Vitamin C, Nicotinamid, Vitamin E, Canxi pantothenat, Vitamin B₆, Vitamin B₁, Vitamin A, Acid Folic, β-Caroten, Vitamin K₁, Vitamin B₂, Vitamin D₃, Biotin, Vitamin B₁₂).

7

u

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch



Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 22 tháng 11 năm 2024 (Ngày hai mươi hai, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

CÔNG CHỨNG VIÊN
Tôi, *Nguyễn Đức Luận* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 2 bản chính, mỗi bản gồm 7.. tờ, 4...trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: ..225.91.... Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Luận

meiji

GROWING UP FORMULA

1~3 years old

Net 800 g

FOS, Lactadherin 5 Nucleotides

Easy Measuring Quick Dissolving

*Percentage of *Recommended Nutrient Intakes, Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (WHO, 2004)* (for 1-3 yrs)

Meiji Co., Ltd.

meiji 1~3 years old* GROWING UP FORMULA

Since launching infant formula in Japan in 1923, Meiji has continued to make advances in the field of infant nutrition research and manufacturing technology development and has supplied formula designed for infants and children at all ages. Meiji's infant formula is based on the latest research and the most appropriate nutritional data for infants. Meiji's infant formula is designed to confirm appropriate nutritional design, and we have established 14 patent rights including 10 international patents. This product is a growing up formula designed to provide the nutritional support required for the growth of children aged between 1-3 years. Use in combination with baby food and other solid foods.

Nutritional Support

- Provides iron that is often difficult for young children to get from meals.
- Provides 100% support of calcium which is necessary for the formation of teeth and bones.
- 24 vitamins and minerals important for brain development in young children.
- Provides 70% support for 16 kinds of vitamins and minerals important for young children's growth.
- Contains FOS that properly regulates the intestinal environment.
- Contains lactadherin that has an infection-fighting function.
- Contains five types of nucleotides that improve the mature system.

*Percentage of *Recommended Nutrient Intakes, Vitamin and mineral requirements in human nutrition, SECOND EDITION (WHO, 2004)* (for 1-3 yrs)

Precautions

- Make only the necessary amount of formula for a single feeding. Dispose of all leftover formula after feeding. ●Never use a microwave oven to prepare or warm formula.

Storage instructions

- To maintain sanitation and freshness, please keep the lid tightly closed and store the tin in a clean, dry and cool place before and after opening. ●Do not refrigerate. ●After opening the tin, use the correct amount of formula powder. ●One level spoon.
- After using the powder (approximately 5.6 g) makes 40 ml of formula.
- After using the contents as soon as possible (within one month).
- After using the spoon, please keep it in a sanitary condition. Do not put it back into the tin.

Distribution: Meiji Co., Ltd. Address: 2-2-1, Aoyama, Chuo-ku, Tokyo, Japan
 Factory: Meiji Co. Ltd. Saitama plant. Address: 1-5, Minamishinjo, Koshigaya city, Saitama
 Manufacturing date (MFG) and expiry date (EXP) are indicated on the bottom of the tin.

How to use the easy cap

- Remove the entire lid and all of the lid seal.
- Press down on the three points marked with the leveling bar to remove the lid.
- Remove the entire lid and all of the lid seal.
- Turn up the lid and level down on the lid and level down on the lid.

When measuring the formula, scoop the formula with the leveling bar as shown in the diagram.

V205



Đồ Công Luận

